

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	14 - 32
8. Phụ lục 01: Bảng cân đối kế toán chi tiết theo bộ phận	33 - 36
9. Phụ lục 02: Kết quả kinh doanh chi tiết theo bộ phận	37

BẢN SAO

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Số: 34/ DVVT-KH
"V/v: Điều chỉnh phụ lục trên báo
cáo tài chính năm 2013"

Cộng Hoà xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Nha Trang, ngày 17 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: **Phòng Tài Chính Doanh Nghiệp
Sở Tài Chính Tỉnh Khánh Hoà**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa có gửi báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 đến Sở Tài chính.

Tuy nhiên qua kiểm tra lại các số liệu trên báo cáo, Công ty thấy có một số điểm trên báo cáo tài chính trình bày chưa đúng. Cụ thể: Phụ lục "Báo cáo kết quả kinh doanh chung toàn công ty" và phụ lục "Báo cáo kết quả kinh doanh chi tiết trên từng bộ phận", tại trang số 11 và trang số 37 của Báo cáo tài chính.

Nay công ty xin đính chính lại số liệu trình bày trên hai phụ lục đã nêu trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và thay thế hai phụ lục đó (*Đính kèm Phụ lục thay thế.*)

Công ty trình Phòng tài chính Doanh nghiệp xem xét để công ty được đính chính hai phụ lục nêu trên trong Báo cáo tài chính.

Nơi lưu:
-Nhu trên
-Lưu Công ty(VT, TV)

GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN ĐỊNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN LÝ KINH DOANH
Số chứng thực Quyền số SCT/CK
Ngày 30/5/2013 tháng 05 năm 2013
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63,822,279,845	65,775,550,819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	63,822,279,845	65,775,550,819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57,161,143,038	60,941,690,663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,661,136,807	4,833,860,156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	469,167,658	902,526,497
7. Chi phí tài chính	22		-	1,928,000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	1,928,000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	5,196,262,933	3,987,698,419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,934,041,532	1,746,760,234
11. Thu nhập khác	31	VI.5	462,174,335	532,522,744
12. Chi phí khác	32	VI.6	50,731,360	9,627,962
13. Lợi nhuận khác	40		411,442,975	522,894,782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,345,484,507	2,269,655,016
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	380,368,045	672,724,937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1,965,116,462</u>	<u>1,596,930,079</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

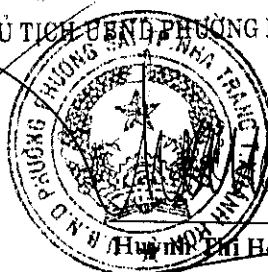
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Số chứng thực 5... Quyền số SGT/CK

Ngày 30/12/2013 năm 2013

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT PHƯƠNG PHƯƠNG SÀI

TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Phương

Ngô Văn Định
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHI TIẾT TỪNG BỘ PHẬN

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe buýt		Cộng	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14,243,436,156	13,617,299,469	49,578,843,689	52,158,251,350	63,822,279,845	65,775,550,819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	14,243,436,156	13,617,299,469	49,578,843,689	52,158,251,350	63,822,279,845	65,775,550,819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9,599,784,173	9,698,728,786	47,561,358,865	51,242,961,877	57,161,143,038	60,941,690,663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,643,651,983	3,918,570,683	2,017,484,824	915,289,473	6,661,136,807	4,833,860,156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	324,802,361	464,021,934	144,365,297	438,504,563	469,167,658	902,526,497
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	1,928,000	-	1,928,000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	1,928,000	-	1,928,000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	3,336,783,035	2,642,777,996	1,859,479,898	1,344,920,423	5,196,262,933	3,987,698,419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,631,671,309	1,739,814,621	302,370,223	6,945,613	1,934,041,532	1,746,760,234
11. Thu nhập khác	31	VI.5	275,167,153	386,831,885	187,007,182	145,690,859	462,174,335	532,522,744
12. Chi phí khác	32	VI.6	18,974,556	8,330,962	31,756,804	1,297,000	50,731,360	9,627,962
13. Lợi nhuận khác	40		256,192,597	378,500,923	155,250,378	144,393,859	411,442,975	522,894,782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,887,863,906	2,118,315,544	457,620,601	151,339,472	2,345,484,507	2,269,655,016
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	380,368,045	529,639,216	-	143,085,721	380,368,045	672,724,937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,507,495,861	1,588,676,328	457,620,601	8,268,751	1,965,116,462	1,596,930,079
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-	-	-

Số chứng thư 5 9.1.56 SCT/CK
 Ngày 03 tháng 07 năm 2014

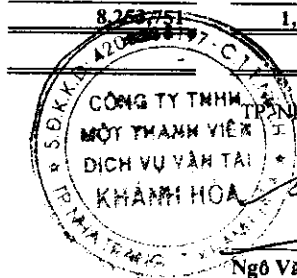
PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN THỊ ANH PHƯƠNG SÀI

[Signature]

Lê Văn Long
 Người lập biểu



Huỳnh Thị Hoài Phương
 Nguyễn Thị Anh Phương



Ngô Văn Định
 Giám đốc

Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

BẢN SAO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa được thành lập do chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Dịch Vụ Vận tải Khánh Hòa sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200235197 ngày 24 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 20.678.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3 813 885 – (058) 3 828 251

Fax : (058) 3 814 301

Email : cty-dvvtkh@dng.vnn.vn

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 5 1 9 7

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác bến xe và đưa đón khách; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Kinh doanh vận tải biển trong nước; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ ăn uống, nghỉ trọ cho lái xe, phụ xe và hành khách; Dịch vụ kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; rửa xe bơm dầu mỡ; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vận tải khác theo tuyến cố định; Vận tải khách bằng xe buýt; vận tải khách theo hợp đồng; Vận tải khách du lịch.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Thông tư 220/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	986.365.277 VND
- Trích quỹ phúc lợi	857.161.818 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	121.589.375 VND
Cộng	1.965.116.462 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 về việc phê duyệt kết quả trúng thầu 6 tuyến xe buýt nội thị Thành phố Nha Trang và tuyến xe buýt Diên Khánh – Khánh Vĩnh và công văn số 166/UBND-KT ngày 9/1/2014 về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động, tiền lương, tiền thưởng, tài sản, cơ chế tài chính đối với hoạt động xe buýt sau khi có kết quả đấu thầu các tuyến xe buýt. Theo đó, Công ty được giao điều hành quản lý hoạt động xe buýt đến hết ngày 31/5/2014 (căn cứ Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 5/3/2014). Báo cáo tài chính hoạt động xe buýt năm 2013 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do chưa có điều kiện để xác định lại theo giá trị

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài ra, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa. Thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/3/2013 và thông báo số 70/TB-UBND ngày 26/02/2014 của UBND Tỉnh Khánh Hòa đã xác định lại “*thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/3/2014, tháng 7/2014 phê duyệt phương án cổ phần hóa, hoàn thành công tác cổ phần hóa vào cuối năm 2014. Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, không đưa giá trị tài sản tại bến xe phía Nam thành phố Nha Trang vào cổ phần hóa*”.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục cổ phần hóa Doanh nghiệp.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ngô Văn Định	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	29 tháng 08 năm 2012	-
Lê Văn Thạnh	Phó Giám đốc	10 tháng 10 năm 2010	-
Phạm Văn Trọng	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2013	-
Huỳnh Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng	10 tháng 10 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

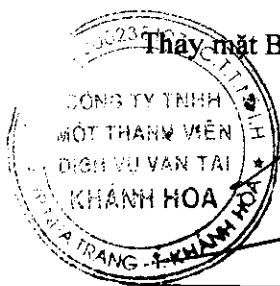
Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tài Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Văn Định
Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2014

Số chứng thư 05.916 Quyền số SCT/CK
Ngày 17 tháng 11 năm 2014
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Hoang Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 051/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Căn cứ các Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 và Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 5/3/2014 của UBND Tỉnh Khánh Hòa, Công ty được giao điều hành quản lý hoạt động xe buýt đến hết ngày 31/5/2014. Công ty đang giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động, tiền lương, tiền thưởng, tài sản, cơ chế tài chính đối với hoạt động xe buýt. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hoạt động xe buýt năm 2013 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là chưa phù hợp quy định hiện hành.

Ngoài ra, số lượng lao động bộ phận xe buýt đến ngày 31/12/2013 là 273 người, Công ty phải giải quyết trợ cấp mất việc làm cho bộ phận này tại ngày 31/5/2014 với số tiền chi dự tính hơn 3,4 tỷ đồng chưa được phản ánh vào Báo cáo tài chính năm 2013.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc trong năm 2013, Công ty đã hạch toán khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo kết luận trên Biên bản thanh tra số 21/KTTTr ngày 11 tháng 10 năm 2013 với số tiền 576.515.520 đồng giảm trừ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, Công ty đã điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế năm 2013 liên quan đến khoản trích trước chi phí sửa chữa xe buýt và chi phí xăm lốp năm 2012 chưa thực chi đến năm 2013 đã thực chi (xem thuyết minh V.13).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2013-008-1

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2014

~~PHÒNG QUẢN LÝ THUẾ VÀ HỒ SƠ THUẾ HẢI QUẢN LÝ THUẾ~~
Số chứng thực 05.917 Quyển số SCT/CK
Ngày 31 tháng 07 năm 2014
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.271.165.441	19.463.927.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.681.000.786	7.881.880.532
1. Tiền	111		331.000.786	1.331.880.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.350.000.000	6.550.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		781.346.014	351.363.732
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	187.584.054	297.521.578
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	563.659.119	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	30.102.841	53.842.154
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.206.545.377	1.466.516.007
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.206.545.377	1.466.516.007
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.602.273.264	9.764.167.181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	278.169.947	222.122.490
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	13.291.123.317	9.542.044.691
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.980.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.833.066.763	14.745.333.941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.656.764.966	14.489.934.668
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.309.660.074	14.331.687.711
<i>Nguyên giá</i>	222		50.542.251.672	49.952.352.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.232.591.598)	(35.620.664.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	25.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(25.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	347.104.892	158.246.957
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		176.301.797	255.399.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	176.301.797	255.399.273
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.104.232.204	34.209.261.393

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.912.617.937	12.017.647.126
I. Nợ ngắn hạn	310		11.813.270.962	10.521.233.497
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.11	967.791.855	1.257.335.142
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	143.440.000	152.420.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	188.588.927	299.788.250
5. Phải trả người lao động	315	V.14	5.573.346.646	4.764.631.079
6. Chi phí phải trả	316		-	1.317.001.661
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	813.208.582	331.511.447
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	4.126.894.952	2.398.545.918
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.099.346.975	1.496.413.629
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	744.150.000	873.550.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	355.196.975	622.863.629
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.191.614.267	22.191.614.267
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.191.614.267	22.191.614.267
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	20.678.526.451	20.678.526.451
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.19	906.704.615	906.704.615
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	606.383.201	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	-	606.383.201
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.104.232.204	34.209.261.393

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

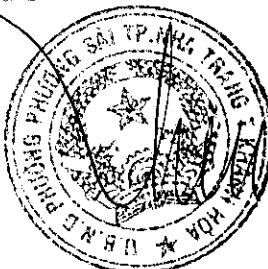


TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Ngô Văn Định
Giám đốc

Số chứng minh 31005, Quyền số 2018, SCT/CK
Ngày 31 tháng 05 năm 2018

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

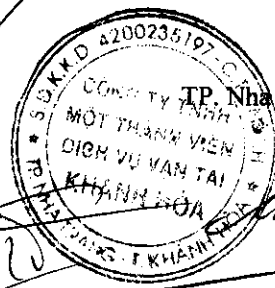
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.822.279.845	65.775.550.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	63.822.279.845	65.775.550.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.161.143.038	60.941.690.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.661.136.807	4.833.860.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	469.167.658	902.526.497
7. Chi phí tài chính	22		-	1.928.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	1.928.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	5.196.262.933	3.987.698.419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.934.041.532	1.746.760.234
11. Thu nhập khác	31	VI.5	462.174.335	532.522.744
12. Chi phí khác	32	VI.6	50.731.360	9.627.962
13. Lợi nhuận khác	40		411.442.975	522.894.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.345.484.507	2.269.655.016
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	956.883.565	672.724.937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.388.600.942</u>	<u>1.596.930.079</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT PHƯƠNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương



TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Ngô Văn Định
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.345.484.507	2.269.655.016
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	4.211.380.288	4.608.324.872
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(443.756.536)	(880.297.243)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.928.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.113.108.259	5.999.610.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.281.932.636	(7.061.791.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		259.970.630	500.557.552
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(906.250.880)	3.473.988.990
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		146.870.725	29.598.047
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(1.928.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(1.209.560.108)	(702.795.831)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		759.175.000	210.641.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.145.792.908)	(3.411.907.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.299.453.354	(964.027.273)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, V.8 V.11	(1.946.309.211)	(4.439.002.655)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	445.976.111	878.813.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.500.333.100)	(3.560.188.765)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(184.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(184.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(200.879.746)	(4.708.216.038)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.881.880.532	12.590.096.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.681.000.786	7.881.880.532



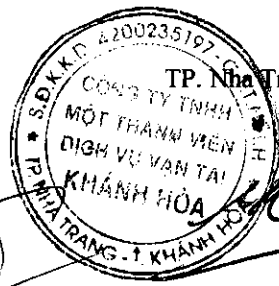
[Handwritten signature]

Lê Văn Long
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

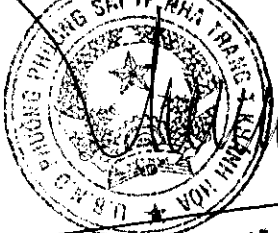
TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Ngô Văn Định
Giám đốc

Số chứng thư 05 920 SGT/CK
Quyển số
Ngày 1-07-2015 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN SAO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ vận tải.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác bến xe và đưa đón khách; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Dịch vụ ăn uống, nghỉ trọ cho lái xe, phụ xe và hành khách; Dịch vụ kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, rửa xe, bơm dầu mỡ; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 386 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 399 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng bến xe chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quỹ đầu tư phát triển với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty,.... Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế là 30%.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Doanh thu hoạt động xe buýt bao gồm doanh thu bán vé và doanh thu được trợ giá từ ngân sách Nhà Nước (xem thuyết minh số VII.1).

Thu nhập từ thanh lý tài sản

Thu nhập từ thanh lý tài sản được xác định bằng doanh thu thu được do chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản trừ giá trị còn lại của tài sản chuyển nhượng, thanh lý ghi trên sổ sách kế toán tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí được trừ liên quan đến việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	285.711.609	318.369.850
Tiền gửi ngân hàng	45.289.177	1.013.510.682
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng</i>)	7.350.000.000	6.550.000.000
Cộng	<u>7.681.000.786</u>	<u>7.881.880.532</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động bán xe	187.584.054	90.521.578
Phải thu hoạt động xe buýt	-	207.000.000
Cộng	<u>187.584.054</u>	<u>297.521.578</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước hoạt động Bán xe	563.659.119	-
<i>Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh</i>	54.432.000	-
<i>Trả trước liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định</i>	509.227.119	-
Cộng	<u>563.659.119</u>	<u>-</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	18.753.425	20.973.000
Thuế TNCN còn phải thu	-	15.723.051
Phải thu khác	11.349.416	17.146.103
Cộng	<u>30.102.841</u>	<u>53.842.154</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu xe buýt	1.142.830.494	1.366.151.592
Công cụ, dụng cụ	63.714.883	100.364.415
Cộng	<u>1.206.545.377</u>	<u>1.466.516.007</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ phát sinh, chi tiết từng bộ phận như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ hoạt động bán xe	86.480.242	61.191.107
Công cụ hoạt động xe buýt	191.689.705	160.931.383
Cộng	<u>278.169.947</u>	<u>222.122.490</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản trợ giá xe buýt còn phải thu Nhà nước	13.048.606.392	9.517.592.338
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	120.985.668	24.452.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	121.531.257	
Cộng	<u>13.291.123.317</u>	<u>9.542.044.691</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.478.560.181	215.233.967	31.887.772.254	370.785.869	49.952.352.271
Tăng trong năm	1.294.355.175	-	-	18.818.182	1.313.173.357
Mua trong năm	-	-	-	18.818.182	18.818.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.294.355.175	-	-	-	1.294.355.175
Giảm khác	(549.716.850)	-	(34.219.152)	(139.337.954)	(723.273.956)
Phân loại sang chi phí trả trước theo Thông tư 45/BTC	(549.716.850)	-	(34.219.152)	(139.337.954)	(723.273.956)
Số cuối năm	<u>18.223.198.506</u>	<u>215.233.967</u>	<u>31.853.553.102</u>	<u>250.266.097</u>	<u>50.542.251.672</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.318.528.130	58.902.920	15.843.783.102	250.266.097	17.471.480.249
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.067.042.688	171.836.330	27.112.062.525	269.723.017	35.620.664.560
Khấu hao trong năm	1.434.700.648	12.581.580	2.739.663.379	24.434.681	4.211.380.288
Phân loại sang chi phí trả trước theo Thông tư 45/BTC	(500.131.089)	-	(34.219.152)	(65.103.009)	(599.453.250)
Số cuối năm	<u>9.001.612.247</u>	<u>184.417.910</u>	<u>29.817.506.752</u>	<u>229.054.689</u>	<u>39.232.591.598</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.411.517.493	43.397.637	4.775.709.729	101.062.852	14.331.687.711
Số cuối năm	<u>9.221.586.259</u>	<u>30.816.057</u>	<u>2.036.046.350</u>	<u>21.211.408</u>	<u>11.309.660.074</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	158.246.957	1.523.811.110	(1.294.355.175)	(40.598.000)	347.104.892
Nâng cấp bãi đậu xe Bến xe Phía Nam	-	752.592.132	(752.592.132)	-	-
Cửa hàng xăng dầu Bến					

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Phòng vé Bến xe Phía Nam</i>	-	284.839.043	(284.839.043)	-	-
<i>Mái che di động bãi đậu xe văn phòng Công ty</i>	-	139.160.000	(139.160.000)	-	-
<i>Nhà bảo vệ Bến xe Cam Ranh</i>	-	34.000.000	(34.000.000)	-	-
<i>Nhà để xe Bến xe Phía Nam</i>	-	39.644.000	(39.644.000)	-	-
<i>Nâng cấp nhà làm việc, phòng bán vé Bến xe Diên Khánh</i>	-	44.120.000	(44.120.000)	-	-
<i>Công trình Bến xe Thị xã Cam Ranh</i>	30.000.000	-	-	-	30.000.000
<i>Công trình bến xe Diên Khánh (*)</i>	75.929.424	-	-	-	75.929.424
<i>Nâng cấp Văn phòng Công ty</i>	10.052.727	-	-	-	10.052.727
<i>Công trình mở rộng Bến xe phía Nam</i>	3.401.806	-	-	-	3.401.806
<i>Quyền sử dụng đất</i>	38.863.000	1.735.000	-	(40.598.000)	-
<i>Các công trình khác</i>	-	4.406.236	-	-	4.406.236
Cộng	158.246.957	1.523.811.110	(1.294.355.175)	(40.598.000)	347.104.892

(*) Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc thu hồi đất Công ty sử dụng giao lại cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Diên Khánh quản lý. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty chưa thấy các Sở, Ngành làm việc để có cơ sở xử lý, xác định giá trị tài sản và tiền đã đầu tư.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động bến xe	93.669.197	77.117.751
Hoạt động xe buýt	82.632.600	178.281.522
Cộng	176.301.797	255.399.273

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả hoạt động bến xe	126.056.955	90.660.755
<i>Phải trả hoạt động xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản</i>	82.039.955	17.090.755
<i>Phải trả hoạt động kinh doanh</i>	44.017.000	73.570.000
Phải trả hoạt động xe buýt - tiền mua nhiên liệu và lốp xe	841.734.900	1.166.674.387
Cộng	967.791.855	1.257.335.142

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước hoạt động xe buýt	143.440.000	152.420.000
Cộng	<u>143.440.000</u>	<u>152.420.000</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	102.562.130	1.268.347.126	(1.237.745.978)	133.163.278
- <i>Bến xe</i>	102.562.130	1.206.745.208	(1.201.234.969)	108.072.369
- <i>Xe buýt</i>	-	44.181.818	(19.090.909)	25.090.909
- <i>Thuế GTGT xe tăng cường (thu nộp hộ)</i>	-	17.420.100	(17.420.100)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.957.535	968.496.965	(1.209.560.108)	(66.105.608)
- <i>Bến xe</i>	133.871.003	380.368.045	(458.813.399)	55.425.649
- <i>Xe buýt</i>	41.086.532	-	(162.617.789)	(121.531.257)
- <i>Thuế TNDN bị truy thu năm 2011, 2012</i>	-	576.515.520	(576.515.520)	-
- <i>Thuế TNDN xe tăng cường (thu nộp hộ)</i>	-	11.613.400	(11.613.400)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(2.183.768)	74.390.592	(193.192.492)	(120.985.668)
Tiền thuê đất	-	352.258.991	(352.258.991)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	<u>275.335.897</u>	<u>2.663.493.674</u>	<u>(2.992.757.569)</u>	<u>(53.927.998)</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*xem thuyết minh số V.7*).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt không chịu thuế, các dịch vụ khác thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán riêng cho từng hoạt động: bến xe, xe buýt (hoạt động công ích) và hoạt động quảng cáo trên thân xe buýt.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.345.484.507	2.269.655.016
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận của hoạt động bến xe</i>	<i>1.887.863.906</i>	<i>2.118.315.544</i>
<i>Lợi nhuận của hoạt động xe buýt</i>	<i>299.615.675</i>	<i>11.005.003</i>
<i>Lợi nhuận của hoạt động cho thuê quảng cáo trên thân xe buýt</i>	<i>632.019.704</i>	<i>561.337.881</i>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.298.027.105)	241.315
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.974.556	241.315
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	<u>(1.317.001.661)</u>	<u>-</u>
Thu nhập tính thuế	1.521.472.180	2.679.894.740
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	380.368.045	672.724.937
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động bến xe</i>	<i>380.368.045</i>	<i>529.639.216</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động xe buýt</i>	<i>-</i>	<i>143.085.721</i>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2011, 2012 (hoạch toán giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi) (xem thuyết minh V.16)	576.515.520	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	956.883.565	672.724.937

(*) Khoản trích trước chi phí sửa chữa xe buýt và chi phí xăng lốp của năm 2012 chưa được xem là chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 do chưa thực chi theo Biên bản thanh tra Tỉnh. Năm 2013, Công ty đã thực chi khoản chi phí này và có đầy đủ hóa đơn chứng từ nên Công ty hoàn nhập lại thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	956.883.565	672.724.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường thu nộp hộ	11.613.400	-
Cộng	968.496.965	672.724.937

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong 4 tháng đầu năm Công ty trích quỹ tiền lương theo Công văn số 3478/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa như sau:

- Đối với bộ phận hoạt động xe buýt: đơn giá tiền lương Doanh nghiệp được hưởng trên doanh thu là 994,5 đồng/1.000 đồng doanh thu. Điều kiện doanh nghiệp phải đảm bảo lợi nhuận năm 2013 là 11,1 triệu đồng.
- Đối với bộ phận hoạt động bến xe: đơn giá tiền lương doanh nghiệp được hưởng trên doanh thu là 526,5 đồng/1.000 đồng doanh thu. Điều kiện doanh nghiệp phải đảm bảo lợi nhuận năm 2013 là 2.119 triệu đồng.
- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2013 của viên chức quản lý doanh nghiệp là 679.582.000 đồng/năm.

Quỹ lương 8 tháng cuối năm của Công ty được xác định như sau:

- Tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động căn cứ theo thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội hướng dẫn Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.
- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	275.146.359	294.025.664
Tiền ký quỹ đầu tư xây dựng cây xăng dầu nội bộ Bến Xe Phía Bắc	390.000.000	-
Thuế TNCN còn phải trả	120.949.177	26.023.383
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.113.046	11.462.400
Cộng	813.208.582	331.511.447

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.051.393.984	1.275.290.080	71.861.854	2.398.545.918
Trích từ lợi nhuận năm nay	986.365.277	857.161.810	121.589.375	1.965.116.462
Trích lập từ trợ giá	3.830.468.458	2.211.925.542	-	6.042.394.000
Thu khác	11.575.000	-	-	11.575.000
Chi quỹ trong năm	(3.773.435.475)	(1.823.923.579)	(116.861.854)	(5.714.220.908)
Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Biên bản thanh tra	(374.735.088)	(201.780.432)	-	(576.515.520)
Số cuối năm	1.731.632.156	2.318.673.421	76.589.375	4.126.894.952

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ của nhân viên lái xe buýt	-	347.000.000
Ký quỹ của bộ phận xe khách và các cửa hàng	744.150.000	526.550.000
Cộng	<u>744.150.000</u>	<u>873.550.000</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động Bến xe	47.469.703	5.590.904
Hoạt động xe buýt	307.727.272	617.272.725
Số cuối năm	<u>355.196.975</u>	<u>622.863.629</u>

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	20.678.526.451	906.704.615	-	446.690.193	574.598.033	22.606.519.292
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	1.596.930.079	1.596.930.079
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	159.693.008	(2.171.528.112)	(2.011.835.104)
Số dư cuối năm trước	<u>20.678.526.451</u>	<u>906.704.615</u>	<u>-</u>	<u>606.383.201</u>	<u>-</u>	<u>22.191.614.267</u>
Số dư đầu năm nay	20.678.526.451	906.704.615	-	606.383.201	-	22.191.614.267
Lợi nhuận sau thuế năm nay	-	-	-	-	1.965.116.462	1.965.116.462
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.965.116.462)	(1.965.116.462)
Điều chuyển quỹ dự phòng tài chính về quỹ đầu tư phát triển theo TT220/BTC	-	-	606.383.201	(606.383.201)	-	-
Số dư cuối năm nay	<u>20.678.526.451</u>	<u>906.704.615</u>	<u>606.383.201</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.191.614.267</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ bến xe	14.243.436.156	13.617.299.469
Doanh thu hoạt động xe buýt	49.578.843.689	52.158.251.350
- Doanh thu bán vé xe buýt	21.338.876.000	20.366.269.000
- Doanh thu trợ giá xe buýt	27.488.604.054	31.136.527.802
- Doanh thu quảng cáo trên xe buýt	751.363.635	655.454.548
Doanh thu thuần	<u>63.822.279.845</u>	<u>65.775.550.819</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ bến xe	9.599.784.173	9.698.728.786
Giá vốn hoạt động xe buýt	47.561.358.865	51.242.961.877
Cộng	<u>57.161.143.038</u>	<u>60.941.690.663</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.411.122	14.139.607
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	443.756.536	888.386.890
Cộng	<u>469.167.658</u>	<u>902.526.497</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.244.068.795	2.764.932.016
Chi phí vật liệu	91.798.787	93.540.031
Chi phí công cụ, dụng cụ	157.423.101	96.379.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.308.291	120.697.036
Thuế phí, lệ phí	821.540.097	25.809.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.890.281	137.378.017
Chi phí bằng tiền khác	652.233.581	748.962.787
Cộng	<u>5.196.262.933</u>	<u>3.987.698.419</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa chi	-	160.434.848
Thu tiền bán vật tư	156.277.673	114.937.637
Tiền điện, tiền nước	250.756.415	162.451.346
Thu nhập khác	55.140.247	94.698.913
Cộng	<u>462.174.335</u>	<u>532.522.744</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại Tài sản cố định thanh lý	-	8.089.647
Phạt do nộp chậm thuế	18.974.556	241.315
Chi phí khác	31.756.804	1.297.000
Cộng	<u>50.731.360</u>	<u>9.627.962</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.155.457.478	21.115.948.271
Chi phí nhân công	34.137.533.047	32.311.391.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.211.380.288	4.608.324.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.121.110.657	5.226.050.228
Chi phí khác	1.731.924.501	1.667.674.106

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 về việc phê duyệt kết quả trúng thầu 6 tuyến xe buýt nội thị Thành phố Nha Trang và tuyến xe buýt Diên Khánh – Khánh Vĩnh và công văn số 166/UBND-KT ngày 9/1/2014 về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động, tiền lương, tiền thưởng, tài sản, cơ chế tài chính đối với hoạt động xe buýt sau khi có kết quả đấu thầu các tuyến xe buýt. Theo đó, Công ty được giao điều hành quản lý hoạt động xe buýt đến hết ngày 31/5/2014 (căn cứ Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 5/3/2014). Báo cáo tài chính hoạt động xe buýt năm 2013 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do chưa có điều kiện để xác định lại theo giá trị thanh lý.

Ngoài ra, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa. Thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/3/2013 và thông báo số 70/TB-UBND ngày 26/02/2014 của UBND Tỉnh Khánh Hòa đã xác định lại “*thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/3/2014, tháng 7/2014 phê duyệt phương án cổ phần hóa, hoàn thành công tác cổ phần hóa vào cuối năm 2014. Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, không đưa giá trị tài sản tại bến xe phía Nam thành phố Nha Trang vào cổ phần hóa*”.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục cổ phần hóa Doanh nghiệp.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Ban điều hành quản lý Công ty theo quy chế tiền lương của Công ty. Thu nhập trong năm nay là 972.715.000 VND (thu nhập trong năm trước là 683.828.840 VND).

Giao dịch với Đại diện chủ sở hữu

Công ty thực hiện hoạt động vận chuyển xe buýt theo quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa về việc đặt hàng hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt có trợ giá của ngân sách Nhà Nước.

Chỉ tiêu giao từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt chạy 06 tuyến phục vụ trong phạm vi Thành phố Nha Trang như sau (tính theo mức giá kế hoạch của nhiên liệu là 21.980 VND/lít):

- Tổng số lượt xe: 172.280 lượt; tổng số km xe hoạt động: 2.755.303 km; tổng số lượt khách vận chuyển: 7.200.000 người; tổng doanh thu: 22.883.612.000 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cấp bù tối đa 27.431.264.000 VND theo quyết định đặt hàng, trong đó các khoản chi phí cố định (khấu hao tài sản cố định, trích trước chi phí sửa chữa lớn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn, chi phí bảo hiểm, đăng kiểm, phí sử dụng đường bộ xe buýt và chi phí sử dụng phần mềm quản lý ô tô (GPS) là : 8.562.928.000 VND.

Đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt tuyến Diên Khánh – Khánh Vĩnh:
Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2013 và Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc hỗ trợ hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt đối với tuyến Diên Khánh – Khánh Vĩnh như sau:

- Mức giá kế hoạch của nhiên liệu là 21.980 VND/lít.
- Tổng số km xe hoạt động: 154.783 km; tổng số lượt khách vận chuyển: 129.366 người; tổng doanh thu: 1.000.583.219 VND.

Mức hỗ trợ: 1.741.664.185.000 VND theo quyết định hỗ trợ, trong đó các khoản chi phí cố định (khấu hao tài sản cố định, trích trước chi phí sửa chữa lớn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn, chi phí bảo hiểm, đăng kiểm, phí sử dụng đường bộ xe buýt và chi phí sử dụng phần mềm quản lý ô tô (GPS) là : 748.509.703 VND.

Giao dịch với đại diện chủ sở hữu trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cấp bù chi phí hoạt động xe buýt ^(*)	43.048.228.680	31.136.527.802

- ^(*) Số cấp bù chi phí hoạt động xe buýt trên đây bao gồm cả bù trừ sau quyết toán 2012 với UBND Tỉnh và các phát sinh khác. Số phải cấp bù chi phí hoạt động xe buýt năm 2013 của 06 tuyến xe buýt nội đô là: 26.514.947.000 đồng. Số hỗ trợ Tuyến Diên Khánh – Khánh Vĩnh là: 1.529.959.579 đồng. (số Quyết toán theo Quyết định của Tỉnh số phải cấp bù 06 tuyến năm 2012 là 33.093.695.000 đồng).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ còn phải thu của Nhà nước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ giá xe buýt (xem thuyết minh V.7)	13.048.606.392	9.517.592.338
Cộng nợ phải thu	13.048.606.392	9.517.592.338

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	967.791.855	-	967.791.855
Các khoản phải trả khác	148.062.223	744.150.000	892.212.223
Cộng	1.115.854.078	744.150.000	1.860.004.078
Số đầu năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	1.257.335.142	-	1.257.335.142
Các khoản phải trả khác	37.485.783	873.550.000	911.035.783
Cộng	1.294.820.925	873.550.000	2.168.370.925

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sử dụng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.681.000.786	-	7.881.880.532	-	7.681.000.786	7.881.880.532
Phải thu khách hàng	187.584.054	-	297.521.578	-	187.584.054	297.521.578
Các khoản phải thu khác	30.102.841	-	53.842.154	-	30.102.841	53.842.154
Cộng	7.898.687.681	-	8.233.244.264	-	7.898.687.681	8.233.244.264

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	967.791.855	1.257.335.142	967.791.855	1.257.335.142
Các khoản phải trả khác	892.212.223	911.035.783	892.212.223	911.035.783
Cộng	1.860.004.078	2.168.370.925	1.860.004.078	2.168.370.925

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Ngô Văn Định
Giám đốc

Số chứng thực 05 Quy 921 SCT/CK
Ngày 07 tháng 03 năm 2014
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC 01



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT TỪNG BỘ PHẬN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Công		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.353.674.867	6.576.673.600	17.040.223.695	12.887.253.852	24.393.898.562	19.463.927.452	23.271.165.441	19.463.927.452
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.286.164.541	6.360.726.730	2.394.836.245	1.521.153.802	7.681.000.786	7.881.880.532	7.681.000.786	7.881.880.532
Tiền	111		186.164.541	960.726.730	144.836.245	371.153.802	331.000.786	1.331.880.532	331.000.786	1.331.880.532
Các khoản tương đương tiền	112		5.100.000.000	5.400.000.000	2.250.000.000	1.150.000.000	7.350.000.000	6.550.000.000	7.350.000.000	6.550.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-	-	-	-	-	-	-
Phòng giám giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.898.325.710	139.677.024	5.753.425	211.686.708	1.904.079.135	351.363.732	781.346.014	351.363.732
Phải thu khách hàng	131	V.2	187.584.054	90.521.578	-	207.000.000	187.584.054	297.521.578	187.584.054	297.521.578
Phải thu trước cho người bán	132	V.3	563.659.119	-	-	-	563.659.119	-	563.659.119	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.122.733.121	-	-	-	1.122.733.121	-	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.4	24.349.416	49.155.446	5.753.425	4.686.708	30.102.841	53.842.154	30.102.841	53.842.154
Phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-	-	-	-	-	-	-
Hàng tồn kho	140		22.855.103	15.078.739	1.183.690.274	1.451.437.268	1.206.545.377	1.466.516.007	1.206.545.377	1.466.516.007
Hàng tồn kho	141	V.5	22.855.103	15.078.739	1.183.690.274	1.451.437.268	1.206.545.377	1.466.516.007	1.206.545.377	1.466.516.007
Phòng giám giá hàng tồn kho	149		-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		146.329.513	61.191.107	13.455.943.751	9.702.976.074	13.602.273.264	9.764.167.181	13.602.273.264	9.764.167.181
Phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	86.480.242	61.191.107	191.689.705	160.931.383	278.169.947	222.122.490	278.169.947	222.122.490
Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	32.349.271	-	13.258.774.046	9.542.044.691	13.291.123.317	9.542.044.691	13.291.123.317	9.542.044.691
Dự định mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		27.500.000	-	5.480.000	-	32.980.000	-	32.980.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thời kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: Đồng Việt Nam (tiếp theo)

PHỤ LỤC 01

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.430.695.791	9.452.675.482	2.402.370.972	5.292.658.459	11.833.066.763	14.745.333.941	11.833.066.763	14.745.333.941
Chiếm quyền										
Chiếm quyền dài hạn	210		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền dài hạn của khách hàng	211		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền dài hạn nội bộ	213		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền dài hạn khác	218		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền không phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	-	-	-	-	-	-
Sản cố định	220		9.337.026.594	9.375.557.731	2.319.738.372	5.114.376.937	11.656.764.966	14.489.934.668	11.656.764.966	14.489.934.668
Sản cố định hữu hình	221	V.8	8.989.921.702	9.217.310.774	2.319.738.372	5.114.376.937	11.309.660.074	14.331.687.711	11.309.660.074	14.331.687.711
Giá trị nguyên giá	222		18.536.051.176	17.821.875.998	32.006.200.496	32.130.476.273	50.542.251.672	49.952.352.271	50.542.251.672	49.952.352.271
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.546.129.474)	(8.604.565.224)	(29.686.462.124)	(27.016.099.336)	(39.232.591.598)	(35.620.664.560)	(39.232.591.598)	(35.620.664.560)
Sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị nguyên giá	225		-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	-	-	-	-	-	-
Sản cố định vô hình	227	V.9	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị nguyên giá	228		-	25.000.000	-	-	-	25.000.000	-	25.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(25.000.000)	-	-	-	(25.000.000)	-	(25.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	347.104.892	158.246.957	-	-	347.104.892	158.246.957	347.104.892	158.246.957
Chi phí vô hình	240		-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị nguyên giá	241		-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-	-	-	-	-	-	-
Chiếm quyền đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phòng giám giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-	-	-	-	-	-	-
Sản dài hạn khác	260		93.669.197	77.117.751	82.632.600	178.281.522	176.301.797	255.399.273	176.301.797	255.399.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	93.669.197	77.117.751	82.632.600	178.281.522	176.301.797	255.399.273	176.301.797	255.399.273
Sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-	-	-	-	-	-	-
Sản dài hạn khác	268		-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.784.370.658	16.029.349.082	19.442.594.667	18.179.912.311	36.226.965.325	34.209.261.393	35.104.232.204	34.209.261.393

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phần đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
PHẢI TRẢ	300		5.532.969.241	4.777.947.665	8.502.381.817	7.239.699.461	14.035.351.058	12.017.647.126	12.912.617.937	12.017.647.126
ngắn hạn	310		4.741.349.538	4.245.806.761	8.194.654.545	6.275.426.736	12.936.004.083	10.521.233.497	11.813.270.962	10.521.233.497
và nợ ngắn hạn	311	V.12	-	-	-	-	-	-	-	-
trả người bán	312	V.13	126.056.955	90.660.755	841.734.900	1.166.674.387	967.791.855	1.257.335.142	967.791.855	1.257.335.142
trả mua trả tiền trước	313	V.14	-	-	143.440.000	152.420.000	143.440.000	152.420.000	143.440.000	152.420.000
để và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	158.740.426	258.701.718	29.848.501	41.086.532	188.588.927	299.788.250	188.588.927	299.788.250
trả người lao động	315	V.16	1.680.871.267	1.872.090.816	3.892.475.379	2.892.540.263	5.573.346.646	4.764.631.079	5.573.346.646	4.764.631.079
phí phải trả	316	V.17	-	-	-	1.317.001.661	-	1.317.001.661	-	1.317.001.661
trả nội bộ	317		-	-	1.122.733.121	-	1.122.733.121	-	-	-
trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	-	-	-	-	-	-
khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	455.503.165	1.730.352	357.705.417	329.781.095	813.208.582	331.511.447	813.208.582	331.511.447
phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	-	-	-	-	-	-
khuyến thưởng, phúc lợi	323	V.19	2.320.177.725	2.022.623.120	1.806.717.227	375.922.798	4.126.894.952	2.398.545.918	4.126.894.952	2.398.545.918
do dịch vụ mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-	-	-	-	-	-	-
dài hạn	330		791.619.703	532.140.904	307.727.272	964.272.725	1.099.346.975	1.496.413.629	1.099.346.975	1.496.413.629
trả dài hạn người bán	331		-	-	-	-	-	-	-	-
trả dài hạn nội bộ	332		-	-	-	-	-	-	-	-
trả dài hạn khác	333	V.20	744.150.000	526.550.000	-	347.000.000	744.150.000	873.550.000	744.150.000	873.550.000
và nợ dài hạn	334		-	-	-	-	-	-	-	-
để thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	-	-	-	-	-	-
phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	-	-	-	-	-	-	-
phòng phải trả dài hạn	337		-	-	-	-	-	-	-	-
nhận thu chưa thực hiện	338	V.22	47.469.703	5.590.904	307.727.272	617.272.725	355.196.975	622.863.629	355.196.975	622.863.629
phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

PHỤ LỤC 01

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Liên tục đối kế toán (tiếp theo))

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
			NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.251.401.417	11.251.401.417	10.940.212.850	10.940.212.850	22.191.614.267
Vốn chủ sở hữu	410		11.251.401.417	11.251.401.417	10.940.212.850	10.940.212.850	22.191.614.267	22.191.614.267	22.191.614.267	22.191.614.267
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	9.739.138.976	9.739.138.976	10.939.387.475	10.939.387.475	20.678.526.451	20.678.526.451	20.678.526.451	20.678.526.451
Chênh lệch vốn cổ phần	412		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.23	906.704.615	906.704.615	-	-	906.704.615	906.704.615	906.704.615	906.704.615
Chi phí quỹ	414		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	-	-	-	-	-	-
Dự trữ đầu tư phát triển	417		605.557.826	-	825.375	-	606.383.201	-	606.383.201	-
Dự trữ phòng tài chính	418	V.23	-	605.557.826	-	825.375	-	606.383.201	-	606.383.201
Dự trữ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập sau thuế chưa phân phối	420	V.23	-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn kinh phí	432		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.784.370.658	16.029.349.082	19.442.594.667	18.179.912.311	36.226.965.326	34.209.261.393	35.104.232.204	34.209.261.393

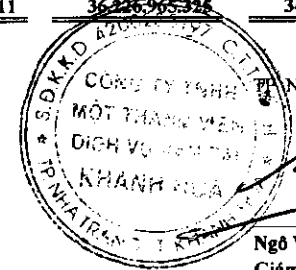
(Handwritten signature)

Văn Long
Người lập biểu

Số chứng thực: 03.922
 Ngày: 07 tháng 01 năm 2014
 Quyền số: SCT/CH
 Nguyễn Thị Hoài Phương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ánh Phương



Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014
 Ngô Văn Định
 Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC 2

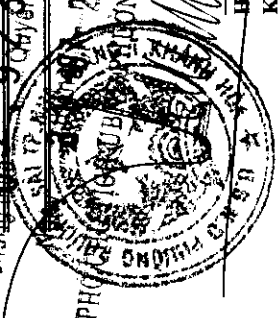
BẢN SAO
Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHI TIẾT TỪNG BỘ PHẬN

Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Bán xe		Xe buýt		Cộng		
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	14.243.436.156	13.617.299.469	49.578.843.689	52.158.251.350	63.822.279.845	65.775.550.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	14.243.436.156	13.617.299.469	49.578.843.689	52.158.251.350	63.822.279.845	65.775.550.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	9.599.784.173	9.698.728.786	47.561.358.865	51.242.961.877	57.161.143.038	60.941.690.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.643.651.983	3.918.570.683	2.017.484.824	915.289.473	6.661.136.807	4.833.860.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	324.802.361	464.021.934	144.365.297	438.504.563	469.167.658	902.526.497
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	1.928.000	-	1.928.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	1.928.000	-	1.928.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL4	3.336.783.035	2.642.777.996	1.859.479.898	1.344.920.423	5.196.262.933	3.987.698.419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.631.671.309	1.739.814.621	302.370.223	6.945.613	1.934.041.532	1.746.760.234
11. Thu nhập khác	31	VL5	275.167.153	386.831.885	187.007.182	145.690.859	462.174.335	532.522.744
12. Chi phí khác	32	VL6	18.974.556	8.330.962	31.756.804	1.297.000	50.731.360	9.627.962
13. Lợi nhuận khác	40		256.192.597	378.500.923	155.250.378	144.393.859	411.442.975	522.894.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.887.863.906	2.118.315.544	457.620.601	151.339.472	2.345.484.507	2.269.655.016
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	380.368.045	529.639.216	576.515.520	143.085.721	956.883.565	672.724.937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.507.495.861	1.588.676.328	(118.894.919)	8.253.751	1.388.600.942	1.596.930.079
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-	-	-

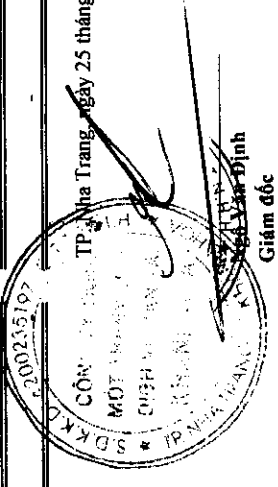
SỐ CHỈ TIÊU VÀ SỐ CHỖ CHỖ SỐ SCITICK
Số chi tiết: 150.495.861.27



PHÒNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
HUYỀN THỊ HOÀI PHƯƠNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Handwritten signature)

Lê Văn Long
Người lập biểu



TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014
GIÁM ĐỐC